TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2022/DSPT
Ngày 30/3/2022
V/v *"tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Việt Hồng

Các Thẩm phán: 1. Ông Lại Huỳnh Tú

2. Bà Nguyễn Thị Kim Cương

Thư ký Tòa án: Ông Đoàn Thế Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Khương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 30 tháng 3 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 689/2020/TLPT-DS ngày 28 tháng 12 năm 2020 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 435/2020/DS-ST, ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4444/2021/QĐPT-DS ngày 24 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 11596/2021/QĐPT-DS ngày 16/12/2021; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 549/2022/QĐPT-DS, ngày 18/01/2020 và Thông báo về việc tiếp tục phiên tòa số 2525, ngày 16/3/2022, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Phan Thị Bích L, sinh năm: 1956

Địa chỉ: Số X đường H, Phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

1.1 Đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: Ông Phạm Ngọc A, sinh năm: 1961

Địa chỉ: Số Y đường L, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo văn bản ủy quyền số công chứng 212, quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 08/01/2022 tại Văn phòng công chứng Ng) (Có mặt)

2/ Bị đơn: Bà Mai Thị Hồng V, sinh năm: 1961

Địa chỉ: số Z đường T, phường A, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Đại diện theo ủy quyền cho bị đơn:

2.1 Ông Phạm Văn Th, sinh năm: 1972

Địa chỉ: Số T đường N, Phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo văn bản ủy quyền số công chứng: 001277/2021/UQ, quyển số 03/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/03/2021 tại Văn phòng công chứng Th) (Có mặt).

2.2 Ông Huỳnh Hồ Minh H, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Số A đường P, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo văn bản ủy quyền số công chứng: 00180/2022/UQ, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/01/2022 tại Văn phòng công chứng B) (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:

2.3 Luật sư Phan M, Công ty Luật TNHH MTV B; Thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

2.4 Luật sư Phương Văn T, Văn phòng Luật sư Ph; Thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

3. Người làm chứng:

3.1 Ông Lâm Văn Ph, sinh năm: 1969

Địa chỉ: Số B đường C, Phường L, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

3.2 Ông Nguyễn Võ S, sinh năm: 1957

Địa chỉ: Số C đường V, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Mai Thị Hồng V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị Bích L trình bày:

Ngày 13/02/2018, bà Mai Thị Hồng V có vay của bà Phan Thị Bích L số tiền: 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng, và đã ký nhận đủ tiền theo hợp đồng vay. Thời hạn vay là 01 tháng từ ngày 13/02/2018 đến 12/3/2018, không quy định lãi suất vay, có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01742/QSDĐ/LA, do UBND huyện Đ, tỉnh L, cấp ngày: 31/5/2004. Nếu đến thời hạn thanh toán: 12/3/2018, bà V không trả tiền thì tiến hành công chứng mua bán phần đất diện tích: 25.059m^2, thuộc thửa 806, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã M, huyện Đ, tỉnh L cho bà L.

Đến ngày 12/3/2018 bà L có điện thoại hỏi bà V về số tiền bà V hứa trả thì bà V nói mới ra tết chưa có tiền nên xin hẹn thêm một tháng nữa, sau đó bà V có nói đã bán cho công ty N 3,8 mẫu đất được 247.000.000.000 (hai trăm bốn mươi bảy tỷ) đồng, ở xã H, huyện N, bà V nói đã nhận cọc của công ty N, bà đang cần thêm tiền để trả cho ngân hàng lấy sổ đất ra và bên công ty N sẽ trả bà số tiền còn

thiếu lại (những sổ đất của 3,8 mẫu bà V đang thế chấp trong ngân hàng) vì muốn thu hồi số tiền bà V đã thiếu trước đây nên bà L có cho bà V vay thêm 12.000.000.000 (mười hai tỷ) đồng, với lãi suất 1,25%/ tháng và bà V hẹn 2 tháng thu tiền bán đất của N, sẽ trả lại bà L. Số tiền 12 tỷ đồng bà L đã chuẩn bị sẵn trước, ngày 02/4/2018 bà L gọi cho bà V đến nhận. Số tiền này bà L giao cho bà V là tiền mệnh giá 500.000 đồng, giao 24 cọc tiền mỗi cọc 500 triệu (năm trăm triệu) đồng vào hai (02) bao tiền giao cho bà V. Khi giao nhận chỉ có bà L và bà V, bà V nhận tiền rồi ra về. Bà V đi đến nhà bà L bằng phương tiện gì bà L không biết.

Bà L xác nhận bà V đã trả tiền lãi (của số tiền vay 12 tỷ đồng) cho bà được 900.000.000 đồng.

Cho đến nay, sau nhiều lần đòi lại tiền gốc và lãi vay, bà V vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng vay tiền, cố tình hẹn và tránh né. Vì vậy bà L yêu cầu bà V phải trả dứt điểm số nợ:

- Tiền lãi đối với khoản nợ 12.000.000.000 (mười hai tỷ) đồng, thời gian từ ngày 02/4/2018 đến ngày 02/9/2020 là: 12.000.000.000 tỷ đồng X 1,25%/tháng X 29 tháng = 4.350.000.000 đồng. Trừ đi số tiền lãi bà L đã nhận là 900.000.000 đồng. Như vậy bà V còn thiếu nợ lãi của bà L là: 3.450.000.000 đồng. Ngoài ra, bà L không yêu cầu tính thêm tiền lãi đối với khoản vay trên.

Bà L rút lại yêu cầu tính lãi quá hạn 150% (của mức lãi 1,25%/tháng) đối với khoản nợ 12 tỷ đồng này.

- Tiền lãi đối với khoản nợ 1.500.000.000 (một tỷ, năm trăm triệu) đồng, do trong Giấy mượn tiền không có quy định tiền lãi nên bà L chỉ yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật là 10%/năm; thời gian từ ngày 13/3/2018 (ngày đến hạn trả nợ) đến ngày 13/9/2020 là: 1.500.000.000 đồng X 0,83%/tháng (10%/năm) X 30 tháng= 373.500.000 đồng. Ngoài ra, bà L không yêu cầu tính thêm lãi đối với khoản vay trên.

Tổng số tiền bà L yêu cầu bà V phải trả tính đến ngày đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm là: 17.323.500.000 đồng, bao gồm :

12.000.000.000 đồng + 1.500.000.000 đồng = 13.500.000.000 (mười ba tỷ, năm trăm triệu) đồng tiền vốn.

3.450.000.000 đồng + 373.500.000 đồng = 3.823.500.000 đồng tiền lãi.

Ngoài ra, bà V không có yêu cầu nào khác.

Theo các bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bà Mai Thị Hồng V trình bày:

Vào ngày 13/02/2018 tại số D đường C, phường H, quận M, tôi có viết giấy mượn của bà L số tiền: 1.500.000.000đ (một tỷ năm trăm triệu đồng) với lãi suất 10%/ tháng, có ông Nguyễn Võ S làm chứng. Tôi có thế chấp cho bà Phan Thị Thanh L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01742/QSDĐ/LA, do UBND huyện Đ, tỉnh L, cấp ngày: 31/5/2004.

Từ tháng 4/2018 tôi có đưa cho Thái Nguyễn Trung A đưa cho bà L 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), bà L nhận chứ không viết giấy.

Đến ngày 01/12/2018, tôi đưa tiếp cho bà L 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), bà L lại không viết giấy cho tôi (tôi có ghi vào sổ).

Ngày 21/12/2018, tôi có chuyển khoản 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) cho bà L (có ủy nhiệm chi).

Ngày 02/02/2019, tôi có cho Lâm Văn Ph (lái xe) đưa 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) cho bà L. Ngày 28/01/2019, Lâm Văn Ph đưa tiếp cho bà L 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) (cả hai lần bà L đều không ghi giấy đã nhận tiền) (tôi có ghi vào sổ).

Ngày 01/02/2019, tôi có chuyển 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) cho bà L;

Ngày 21/03/2019, tôi tiếp tục chuyển 100.000.000đ (một trăm triệu đồng);

Ngày 19/04/2019, tôi chuyển tiếp 100.000.000đ (một trăm triệu đồng);

Ngày 31/05/2019, tôi chuyển 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng);

Ngày 06/08/2019, tôi chuyển 100.000.000đ (một trăm triệu đồng);

Ngày 30/08/2019, tôi chuyển 100.000.000đ (một trăm triệu đồng);

Tất cả các lần chuyển khoản đều có ủy nhiệm chi.

Ngoài ra, bà L còn nhận tại nhà tôi hai lần:

1) Một lần 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng);

2) Một lần tôi đi xe ô tô đến Nguyễn Hữu Cảnh gần tòa nhà Vin (tôi ngồi trên xe, Ph – tài xế chạy xuống đưa cho bà L 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Tổng cộng bà L nhận của tôi: 1.550.000.000 (một tỷ năm trăm năm mươi triệu) đồng. Như vậy tôi đã thanh toán hết khoản nợ vay 1,5 tỷ đồng cho bà L.

Trước đó khoảng giữa tháng 3/2018, bà L có nói với tôi là bà chuẩn bị lấy được số tiền 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng) từ một người nào đó mà bà không nói tên, bà hỏi tôi có nhu cầu vay thì bà cho vay, tôi bảo đang cần thì bà nói mai qua nhà bà, bà sẽ viết sẵn giấy nợ với số tiền là 10 tỷ khi nào có bà sẽ chuyển cho tôi (lúc đó tôi nói Thái Nguyễn Trung A viết và tôi ký).

Mấy hôm sau, tôi đi cùng với Trung A và Lâm Văn Ph qua nhà bà vào buổi chiều, bà L đưa cho tôi một tờ giấy và bà nói viết rồi ký khống cho bà để bà đánh máy lại (vì tin người nên tôi đã viết và ký khống cho bà một tờ giấy vay tiền), sau đó chúng tôi ra về.

Qua một thời gian không thấy tiền đâu, tôi có hỏi thì bà L nói là không lấy được tiền (từ một người nào đó như bà bảo ban đầu), nếu tôi có việc thì xoay chỗ khác kẻo trễ công việc của tôi (tôi có nhắn tin cho bà L qua zalo (đoạn tin nhắn vẫn còn).

Sau đó tôi thấy có gì không ổn nên có gọi điện thoại cho Trung A nhờ Trung A đòi lại giấy vay tiền vì hôm đó tôi nhờ Trung A viết giấy vay 10 tỷ và tôi đã ký. Do đó, tôi mới nhờ Trung A đòi lại giấy vay tiền và giấy khống từ bà L.

Hôm đó, Trung A có gọi cho bà L và nhận được câu trả lời là chuyện của người lớn nên Trung A không có quyền lên tiếng ở đây. Sau đó, Trung A tường thuật lại cho tôi như vậy.

Tôi có gọi điện thoại lại cho bà L thì bà nói nếu muốn lấy giấy lại thì trả cho bà 6.500.000.000đ (sáu tỷ năm trăm triệu đồng) thì bà mới đưa lại giấy.

Tôi xin cam đoan lời khai trên hoàn toàn là sự thật. Đối với số tiền 12 tỷ đồng mà bà L ghi trên giấy khống là không có thật mà chỉ có giấy vay tiền 1.500.000.000đ (một tỷ năm trăm triệu đồng) là có thật và nhận ngày hôm đó là 1.350.000.000đ (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng). Tôi xác nhận tôi có mượn bà L 1,5 tỷ đồng nhưng thực tế chỉ nhận 1,350 tỷ đồng và đã trả cho bà L 1,350 tỷ đồng.

Tôi khẳng định tôi không có vay bà L số tiền 12 tỷ đồng. Ngày 02/4/2018 tôi khẳng định không có đến nhà bà L, số tiền 12 tỷ đồng là rất lớn nếu như bà L nói tôi đến nhận số tiền này một mình là hoàn toàn vu khống, tôi không thể một mình nhận số tiền này. Nhà tôi có xe hơi và tài xế riêng (ông Ph) nên khi nhận bất cứ số tiền nào tôi đều đi xe nhà và có tài xế đi cùng, không thể có chuyện một mình tôi đến nhận số tiền 12 tỷ này. Tôi xin cam kết là mình không có nhận 12 tỷ vu khống đó. Nếu có nhận thì tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Người làm chứng ông Lâm Văn Ph trình bày:

Tôi là tài xế cho bà V từ 2015 đến tháng 4/2019. Tôi có nghe chị V nói về việc vay 1,5 tỷ của chị L.

Còn số tiền 12 tỷ bà V vay của bà L thì tôi có nghe bà V nói. Đầu năm 2018, công ty của bà V rất cần vốn để kinh doanh, nên bà V có nói tôi chở xuống nhà bà L, sau đó khi lên xe trở về chị Vân có cầm tờ giấy nợ và nói: Đi mượn tiền không có, giờ cầm về tờ giấy nợ.

Tôi nhớ có 3 lần bà V nhờ tôi cầm tiền nhờ tôi mang xuống cho bà L. Tổng cộng 170.000 đồng (sửa lại 150.000.000 đồng), nhưng không có ghi nhận gì.

Người làm chứng ông Nguyễn Võ S trình bày:

Tôi xác nhận làm chứng việc bà V vay bà L 1,5 tỷ đồng, còn việc vay mượn 12 tỷ đồng bà V vay bà L thì tôi không biết gì hết.

- Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay, bà V xác định không thể tìm được địa chỉ của ông Thái Nguyễn Trung A cung cấp cho tòa để tòa triệu tập làm rõ các tình tiết trong vụ án.

- Theo đơn yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký của bà V, Tòa án nhân dân Quận 10 đã ra quyết định trưng cầu giám định và ngày 10/9/2020 Phân viện KHHS tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có Kết luận giám định số: 4479/C09B, kết

luận chữ viết, chữ ký trong tờ Giấy vay tiền (12 tỷ đồng), ngày 02/4/2018 là chữ viết và chữ ký của bà Mai Thị Hồng V.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 435/2020/DS-ST ngày 10/11/2020 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, khoản 3 Điều 228 , Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 280, Điều 357, Điều 463, khoản 1,4,5 Điều 466, Điều 468, Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; mục 1.1, phần 1 danh mục mức án phí, lệ phí tòa án ban hành kèm theo.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Bà Mai Thị Hồng V phải thanh toán ngay, một lần cho bà Phan Thị Bích L số tiền còn thiếu nợ là: 17.323.500.000 (mười bảy tỷ, ba trăm hai mươi ba triệu, năm trăm nghìn) đồng, bao gồm: 13.500.000.000 (mười ba tỷ, năm trăm triệu) đồng tiền vốn và: 3.823.500.000 (ba tỷ, tám trăm hai mươi ba triệu, năm trăm nghìn) đồng, tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án (khoản nợ 1.500.000.000 đồng) theo mức lãi xuất là 10%/năm.

Kể từ ngày 03/9/2020 cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án (khoản nợ 12.000.000.000 đồng) theo mức lãi suất 1,25%/tháng được quy định trong "GIẤY VAY TIỀN" ngày 02/4/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 23 tháng 11 năm 2020 bà Mai Thị Hồng V kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 435/2020/DS-ST ngày 10/11/2020 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người kháng cáo đồng thời là bị đơn – bà Mai Thị Hồng V có đại diện theo ủy quyền và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét hủy toàn bản án sơ thẩm số 435/2020/DS-ST ngày

10/11/2020 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh vì bản án nêu trên không thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 10. Đề nghị hủy bỏ giấy vay tiền được lập ngày 02/4/2018 giữa bà Mai Thị Hồng V và bà Phan Thị Bích L và xem xét lại khoản vay 1.500.000.000 (Một tỷ năm trăm triệu) đồng. Đối với lời trình bày của Giám định viên tại phiên tòa. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thụ lý, xét xử vụ án đúng quy định; Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thẩm phán, các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dụng: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên xử. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Mai Thị Hồng V. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Sửa một phần bản án số 435/2020/DS-ST ngày 10/11/2020 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng về chi phí tố tụng buộc bị đơn bà Mai Thị Hồng V phải chịu chi phí giám định sơ thẩm là 5.000.000 (năm triệu) đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và sau khi nghe ý kiến phát biểu của của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức:

Bị đơn bà Mai Thị Hồng V nộp đơn kháng cáo đúng thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Đơn kháng cáo của bị đơn được chấp nhận. Đồng thời bị đơn có Đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do bị đơn thuộc trường hợp người cao tuổi, đơn của bị đơn được chấp nhận. Do đó, bị đơn không phải nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, việc tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền cho bà L đề nghị Tòa án hủy toàn bộ bản án sơ thẩm vì bà L không còn cư trú tại Quận 10 nên vụ án nêu trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét thấy, Sau khi Tòa án nhân dân Quận 10 thụ lý hồ sơ vụ án nêu trên, Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an Phường 14, Quận 10. Kết quả xác minh Công an Phường 14, Quận 10 trả lời: Bà Mai Thị Hồng V, sinh năm: 1961 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số F đường L, Phường B, quận M nhưng không thực tế cư trú tại địa chỉ trên. (Bán nhà năm 2017, chuyển đến số G đường V, phường A, Quận H, nay là Thành phố T) theo Bút lục số 79. Tòa án đã tiến hành

mời bà V đến Tòa án làm việc theo địa chỉ mới của bà V. Tiếp đến bà V đã ủy quyền cho đại diện theo ủy quyền của bà V đến Tòa án Quận 10 làm việc và bà V cũng trình bày bản tự khai nộp cho Tòa án ghi nhận địa chỉ của bà V trong bản tự khai tại địa chỉ: 224/39-41 Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10 (BL 56-60) và tại những biên bản hòa giải tại Tòa án cấp sơ thẩm bà V cũng đã trình bày rõ ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, đối với yêu cầu của đại diện theo ủy quyền và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà V yêu cầu hủy bản án sơ thẩm vì vụ án không thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 10 là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Xét khoản vay 1.500.000.000 đồng được lập ngày 13/2/2018 giữa bà L và bà V. Trong nội dung đơn kháng cáo, bà V đã đồng ý với khoản vay trên và phần lãi suất được tuyên trong bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xét. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bà V vắng mặt. Đại diện theo ủy quyền cho bà V là ông Phạm Văn Th đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại khoản vay 1.500.000.000 đồng giữa bà L và bà V.

Xét thấy, đối với khoản vay 1.500.000.000 (Một tỷ năm trăm triệu) đồng theo Giấy mượn tiền ngày 13/02/2018 giữa bà L và bà V đã được bà V thừa nhận đồng thời thông qua sự xác nhận của hai người làm chứng tại Tòa án cấp sơ thẩm là ông Lâm Văn Ph và ông Nguyễn Võ S. Bên cạnh đó bà V và ông Sơn cũng đã thừa nhận mượn của bà L số tiền trên (BL69). Do đó yêu cầu của đại diện theo ủy quyền cho bà V đề nghị xem xét lại khoản vay của bà V đối với số tiền 1.500.000.000 (Một tỷ năm trăm triệu) đồng là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Đối với số tiền lãi của số tiền vay là 1.500.000.000 (Một tỷ năm trăm triệu) đồng giữa bà L và bà V không quy định cụ thể về lãi suất. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên có cơ sở chấp nhận.

Đối với khoản vay 12.000.000.000 (mười hai tỷ) đồng theo giấy vay tiền được lập ngày 02/4/2018, bà Mai Thị Hồng V không thừa nhận với khoản vay trên vì cho rằng bà L đưa cho bà ký khống văn bản trước rồi bà L đem in nội dung vay số tiền 12.000.000.000 (mười hai tỷ) đồng vào sau, thực tế bà V cho rằng bà không có nhận số tiền là 12.000.000.000 (mười hai tỷ) đồng. Do đó bà V kháng cáo và yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết đối với giấy vay tiền ngày 02/4/2018.

Sau khi thụ lý phúc thẩm. Ngày 11/3/2021, bà V có đơn đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trưng cầu giám định mực in và chữ viết tay trên giấy vay tiền ngày 02/4/2018 tại Viện khoa học hình sự Bộ Công an để biết: "…Mực in và chữ viết tay cái nào có trước, chữ viết tay có bị phủ lớp mực in lên trên hay không, nếu có thì bị phủ lên bao nhiêu lớp mực in…" Vì bà V cho rằng trong giấy vay tiền được lập ngày 02/4/2018 là do bà L đưa bà ký khống còn nội dung vay tiền do bà L tự đánh máy sau và thực tế bà V không nhận số tiền là 12.000.000.000 (mười hai tỷ) đồng.

Ngày 22/3/2021, Tòa án đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 2560/2021/QĐ-TCGĐ và Viện khoa học hình sự Bộ Công an đã ra kết luận giám định số 87/C09-P5 ngày 18/6/2021 đã kết luận: "…Không đủ cơ sở kết luận các chữ ký có trước hay sau các chữ ký in nội dung. Tại vị trí chữ ký có các chấm mực in nằm trên và dưới các nét ký, không đủ cơ sở kết luận các chấm mực in nêu trên thuộc bao nhiêu lớp in…".

Để làm rõ nội dung kết quả giám định, Tòa án đã làm văn bản đề nghị Viện khoa học hình sự Bộ Công an giải thích rõ hơn về kết luận giám định (trên giấy vay tiền ngày 02/4/2018) và Viện Khoa học hình sự Bộ Công an đã trả lời theo văn bản số 3345/C09-P5 ngày 02/12/2021 đã giải thích rõ: "…Các chấm mực in (trên giấy vay tiền ngày 02/4/2018) thuộc ít nhất 02 lần in khác nhau…"

Bà V cũng đã yêu cầu cho đi giám định lại nội dung giấy vay tiền ngày 02/4/2018 nhưng không được Tòa án chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà V có đơn đề nghị triệu tập giám định viên Nguyễn Văn Viết, người trực tiếp thực hiện việc giám định đến tham gia phiên tòa để giải thích toàn bộ nội dung giám định để làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án. Bên cạnh đó, bà V cũng yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập đia chỉ của ông Thái Nguyễn Trung A theo số điện thoại ông A đang sử dụng: "0905.460.468" để xác định ông A đang đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ nào để làm cơ sở cho Tòa án triệu tập ông Anh đến tham gia phiên tòa với tư cách là người làm chứng. Tòa án đã tiến hành tạm ngừng phiên tòa để triệu tập người giám định đến phiên tòa và xác minh theo yêu cầu của bà V. Kết quả xác minh về thông tin thuê bao "0905.460.468" thì không do ông Thái Nguyễn Trung A trực tiếp sử dụng nên không có cơ sở triệu tập ông Anh đến tham gia phiên tòa với tư cách là người làm chứng.

Tại phiên tòa ngày 25/3/2022, Giám định viên tham gia phiên tòa và trình bày những nội dung được thể hiện như đúng nội dung theo kết luận giám định số 87/C09-P5 ngày 18/6/2021 và theo văn bản số 3345/C09-P5 ngày 02/12/2021 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an. Tuy nhiên, Chủ tọa phiên tòa đề nghị giám định viên giải thích rõ hơn về nội dung: "Các chấm mực in nằm trên và dưới các nét ký, viết do các chấm mực in nêu trên thuộc ít nhất hai lần in khác nhau" và đề nghị giải thích tại sao lại thuộc ít nhất hai lần in và chủ tọa phiên tòa hỏi giám định viên: "Nếu văn bản giấy mượn tiền nêu trên được photocopy thông qua hình thức nằm trên máy photocopy hoặc được photocopy thông qua hình thức văn bản trên chạy qua máy photocopy thì có được xem là một lần in không? Giám định viên đã giải thích rõ tại phiên tòa cụ thể: "Một văn bản được photocopy thì cũng được xem là một lần in".

Theo như lời bà V trình bày: Bà L lấy tờ giấy vay tiền với số tiền vay là 12.000.000.000 (Mười hai tỷ) đồng được lập ngày 02/4/2018 và đưa cho bà V ký khống, sau đó bà L đánh máy thêm vào nội dung là vay số tiền 12.000.000.000 (mười hai tỷ) đồng để khởi kiện bà ra Tòa án.

Xét thấy, theo kết luận giám định số 87/C09-P5, ngày 18/6/2021 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

Mục: 5.1 Chữ ký đứng tên Mai Thị Hồng V dưới mục "NGƯỜI VAY TIỀN" trên Giấy vay tiền ngày 02/4/2018 cần giám định:

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký có trước hay sau khi có các chữ in nội dung.

- *Tại vị trí chữ ký có các chấm mực in nằm trên và dưới các nét ký.* Không đủ cơ sở kết luận các chấm mực nêu trên thuộc bao nhiêu lớp in.

Mục 5.3: "…*Tại vị trí chữ viết, chữ ký có các chấm mực in nằm trên và dưới các nét viết, ký.* Không đủ cơ sở kết luận các chấm mực nêu trên thuộc bao nhiêu lớp in."

Cũng theo Công văn số 3345/C09-P5, ngày 02/12/2021 về việc giải thích kết luận giám định của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an đã kết luận: "…có các chấm mực in nằm trên và dưới các nét ký, viết do các chấm mực in nêu trên thuộc ít nhất 02 lần in khác nhau."

Hội đồng xét xử cần làm rõ nguyên nhân tại sao trong giấy vay tiền lập ngày 02/4/2018 có các chấm mực in nằm trên và dưới các nét ký, viết do các chấm mực in nêu trên thuộc ít nhất 02 lần in khác nhau.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

[i] Đối với các chấm mực in nằm trên các nét ký, viết được hiểu là ký và viết trước sau đó mới được in ra do đó các chấm mực in mới được nằm trên các nét ký viết.

[ii] Đối với các chấm mực in nằm dưới các nét ký, viết được hiểu là văn bản được in trước rồi sau đó chữ ký và viết được thực hiện sau.

Từ phân tích tại các chấm mực in nằm dưới các nét ký, viết. Có cơ sở kết luận rằng việc văn bản trên Giấy vay tiền được lập ngày 02/4/2018 được in trước, ký sau là hoàn toàn có thật.

Riêng đối với mục in nằm trên các nét ký, viết. Qua lời trình bày của bà L tại phiên tòa bà trình bày: Giấy vay tiền được lập ngày 02/4/2018 bà L đã đem đi photocopy nhiều lần để lưu giữ tài liệu, chứng cứ. Đồng thời căn cứ vào lời trình bày của giám định viên tại phiên tòa, một lần photocopy cũng được xem là một lần in. Do đó, văn bản Giấy vay tiền được lập ngày 02/4/2018 được hiểu là được in nhiều lần mà số lượng được in bao nhiêu lần không có cơ sở kết luận.

Từ những nhận định nêu trên có cơ sở xác định việc bà V có vay của bà L số tiền 12.000.000.000 (mười hai tỷ) đồng đã ký vào hợp đồng vay và ghi đã nhận đủ số tiền trên là có thật. Do đó yêu cầu của đại diện theo ủy quyền cho bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn về việc yêu cầu hủy Giấy vay tiền được lập ngày 02/4/2018 giữa bà L và bà V là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Tuy nhiên, tại bản án sơ thẩm số 435/2020/DS-ST ngày 10/11/2020 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh chưa tính phần nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng cho việc giám định chữ ký và chữ viết đối với số tiền là 5.000.000 (năm triệu) đồng (BL 68). Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận định: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận do đó bị đơn phải chịu chi phí cho việc giám định chữ ký và chữ viết với số tiền là 5.000.000 (năm triệu) đồng. Tòa án cấp sơ thẩm không nhận định để ghi nhận trong bản án là có thiếu sót.

Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần chi phí tố tụng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Mai Thị Hồng V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 125.323.500 (Một trăm hai mươi lăm triệu, ba trăm hai mươi ba nghìn, năm trăm) đồng. Tuy nhiên bà Mai Thị Hồng V là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Do đó bà Mai Thị Hồng V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên bị đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí phúc thẩm nên bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Mai Thị Hồng V số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0049771 ngày 23/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Về chi phí tố tụng dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí tố tụng sơ thẩm với số tiền là 5.000.000 (năm triệu) đồng. Bị đơn đã nộp đủ chi phí tố tụng dân sự sơ thẩm.

[6] Về chi phí tố tụng dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn bà Mai Thị Hồng V phải chịu lệ phí phúc thẩm cho việc giám định chữ ký, chữ viết tại Viện khoa học hình sự Bộ Công an số tiền là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng. Bà V đã nộp đủ chi phí tố tụng trên. Đối với chi phí tố tụng cho yêu cầu triệu tập Giám định viên tham gia phiên tòa là 10.000.000 (mười triệu) đồng. Bị đơn bà Mai Thị Hồng V tự nguyện chịu và đã nộp đủ chi phí tố tụng dân sự phúc thẩm.

Căn cứ những nhận định trên,
Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn – Bà Mai Thị Hồng V, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 435/2020/DS-ST ngày 10/11/2020 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.1] Bà Mai Thị Hồng V phải thanh toán ngay, một lần cho bà Phan Thị Bích L số tiền còn thiếu nợ là: 17.323.500.000 (mười bảy tỷ, ba trăm hai mươi ba triệu, năm trăm nghìn) đồng, bao gồm: 13.500.000.000 (mười ba tỷ, năm trăm

triệu) đồng tiền vốn và: 3.823.500.000 (ba tỷ, tám trăm hai mươi ba triệu, năm trăm nghìn) đồng, tiền lãi.

[1.2] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án (khoản nợ 1.500.000.000 đồng) theo mức lãi xuất là 10%/năm.

[1.3] Kể từ ngày 03/9/2020 cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án (khoản nợ 12.000.000.000 đồng) theo mức lãi suất 1,25%/tháng được quy định trong "GIẤY VAY TIỀN" ngày 02/4/2018.

2/ Về án phí sơ thẩm: Bà Mai Thị Hồng V thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Về án phí phúc thẩm: Bà Mai Thị Hồng V thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

4/ Về chi phí tố tụng dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Mai Thị Hồng V phải chịu chi phí tố tụng sơ thẩm với số tiền là 5.000.000 (năm triệu) đồng. Bị đơn bà Mai Thị Hồng V đã nộp đủ chi phí tố tụng dân sự sơ thẩm.

5/ Về chi phí tố tụng dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn bà Mai Thị Hồng V phải chịu chi phí tố tụng phúc thẩm cho việc giám định chữ ký, chữ viết tại Viện khoa học hình sự Bộ Công an số tiền là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng và chi phí tố tụng cho yêu cầu triệu tập Giám định viên tham gia phiên tòa là 10.000.000 (mười triệu) đồng. Bị đơn bà Mai Thị Hồng V đã nộp đủ chi phí tố tụng dân sự phúc thẩm.

6/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TAND TC;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 10;
- Chi cục THADS Quận 10;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Việt Hồng